

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

Bản án số: 02/2023/HSST
Ngày: 06/01/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN
NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Lan H

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đỗ Thị Kim V và bà Nguyễn Thị Xuân M

Thư ký phiên tòa: Hứa Thị H, Thư ký viên chính - Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thúy H - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2022/TLST- HS ngày 30/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

TẠ QUÝ D, sinh năm: 1987; HKTT và chỗ ở: Thôn L, xã Q, huyện T, Thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Tạ Văn T và bà Phạm Thị K; Vợ: Đào Thị Q, có 02 con sinh năm 2010; Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Bản án số 737/2011/HSPT ngày 21/7/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố H xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ra trại ngày 30/8/2013.

- Bản án số 47/2014/HSST ngày 03/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện T, TP. H xử phạt 08 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ra trại ngày 11/10/2021. Chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2022 đến nay. (có mặt)

*Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đỗ Thị T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Sở tư pháp thành phố H. (có mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị K, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện T, TP H.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 14/09/2022, Tạ Quý D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu đen vàng BKS: 29Y5 - 786.13 đi từ nhà đến khu vực nghĩa trang thuộc xóm T, xã H, huyện T, TP H với mục đích tìm mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Đến nơi, D gặp một người đàn ông không quen biết khoảng 50 tuổi, dáng người gầy, cao khoảng 1m60, mặc quần bò, áo cộc tay màu trắng, đi bộ, đeo khẩu trang. Thấy anh ta dáng giống người nghiện D đi lại gần và hỏi: “*Anh có hàng không để em hai trăm*” (với hàm ý hỏi mua 200.000 đồng ma túy Heroine của người đàn ông) người đàn ông trả lời: “*Có*”. D lấy 200.000 đồng ra đưa cho người này, anh ta cầm tiền và lấy từ trong túi quần đang mặc ra 01 gói giấy màu vàng, bên trong có chứa chất bột màu trắng đưa cho D. D cầm gói ma túy ở tay trái, điều khiển xe đi tìm nơi để sử dụng. Khoảng 06 giờ 45 phút cùng ngày, khi D đi đến khu vực gần nhà văn hóa xóm T, xã H thì bị lực lượng công an kiểm tra, bắt giữ.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói giấy màu vàng bên trong có chứa chất bột màu trắng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade màu đen vàng, BKS: 29Y5 - 78613.

Ngày 14/9/2022, khám xét khẩn cấp chỗ ở của Tạ Quý D tại Thôn L, xã Q, huyện T, TP. H, không phát hiện thu giữ gì.

Tại Bản kết luận giám định số 6456/KL-KTHS ngày 21/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H đã kết luận: Chất bột màu trắng bên trong 01 gói giấy màu vàng là ma túy loại Heroine, khối lượng: 0,101 gam.

Tại cáo trạng số 109/CT-VKSTT ngày 30 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Tạ Quý D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm 0 khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng truy tố và bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tạ Quý D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo điểm o khoản 2 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (14/9/2022).

-Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong có chứa ma túy. Có chữ ký của giám định viên, bị cáo và người chứng kiến.

- Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Tại phiên tòa bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, biết ăn năn hối cải, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tranh luận tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ định tội: Chất bột màu trắng bị cáo tàng trữ là Heroine có khối lượng là 0,101 gam. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và vật chứng thu giữ. Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của nhà nước về quản lý các chất ma túy. Căn cứ vào lời khai của những người liên quan xác định được bị cáo đã tàng trữ trái phép chất ma túy. Với phân tích trên bị cáo đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm 0 khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, vi phạm các chính sách pháp luật về phòng chống ma túy, tác động xấu đến kinh tế, xã hội, an ninh trật tự, đạo đức, lối sống và sức khỏe của người khác, gây bức xúc trong xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, mặc dù nhận thức được hậu quả xảy ra nhưng bị cáo vẫn thực hiện tội phạm đến cùng gây nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2011 và năm 2014 bị xử phạt về tội “Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng bản thân nay tiếp tục phạm tội, nên cần có hình phạt tù nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, nhưng bị cáo đã bị áp dụng tình tiết định khung hình phạt nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ cận nghèo, là lao động chính trong gia đình nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định, mắc nghiện ma túy, không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng, xử lý vật chứng: 01 phong bì niêm phong bên trong chứa ma túy (Hêrôin) có chữ ký của giám định viên, bị cáo và người chứng kiến được hoàn lại sau giám định là vật chứng của vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 được miễn án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; 136; 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Tuyên bố: Bị cáo Tạ Quý D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Tạ Quý D **05 (năm)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 14/9/2022).

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong có chứa ma túy Heroine, bên ngoài có chữ ký xác nhận của giám định viên phòng PC09, cán bộ niêm phong và Tạ Quý D (Tang vật hiện đang lưu giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện T,

biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/12/2022).

Về án phí: Bị cáo Tạ Quý D được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TANDTP H
- VKSND TP H
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Bị cáo
- Những người tham gia tố tụng khác
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Lan H

